TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2025/KDTM-PT
Ngày: 30/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Hường

Ông Huỳnh Ngọc Quyên

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Thuận Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17/9 và 30/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 98/2025/KDTM-PT ngày 05/03/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1297/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5574/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17695/2025/QĐPT-KDTM ngày 17 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty Cổ phần SG;

Địa chỉ: đường T, Phường L, Quận E (nay là phường CL), Thành phố M;

Người đại diện hợp pháp: Bà AT, sinh năm 2001; địa chỉ: đường NT, Phường ZA, quận T (nay là phường MT), Thành phố M; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2023) (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Tổng Công ty Cổ phần SG: Ông D, sinh năm 1973 và bà N, sinh năm 1990; Luật sư của Công ty Luật TNHH ĐG thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS;

Địa chỉ: Đường T, Phường K, quận N (nay là phường PN), Thành phố M;

Người đại diện hợp pháp: Ông Đ, sinh năm 1989; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2025) (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS: Ông H, sinh năm 1967; Luật sư của Công ty Luật TNHH ĐNH thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 1297/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2019, đơn sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện ngày 04/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Tổng Công ty Cổ phần SG do bà AT làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/01/2018, sau gần 03 tháng trao đổi, Tổng Công ty Cổ phần SG (viết tắt S) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS (viết tắt BS) ký 02 hợp đồng dịch vụ quảng cáo. Trong đó có Hợp đồng quảng cáo số 0812/2017/LOGO-BSG-SAB (viết tắt Hợp đồng Logo) nhằm mục đích quảng cáo sản phẩm và thương hiệu BSG thông qua việc lắp đặt logo quảng cáo tại Cảng hàng không quốc tế TSN (viết tắt TSN). Căn cứ Điều 1 của Hợp đồng Logo, quy định thời gian hoàn thành lắp đặt logo quảng cáo BSG tại TSN trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và có mẫu bản vẽ, mô hình, cụ thể dự kiến hoàn thành vào ngày 19/3/2018.

Tuy nhiên, đến ngày 27/3/2018, BS vẫn chưa thực hiện hạng mục 1, 2 của Hợp đồng Logo, chưa gửi thông báo hoàn tất thi công cho S. Sau đó, BS liên tục có các công văn đề nghị thay đổi thời gian thực hiện Hợp đồng Logo. Đến ngày 08/5/2018, do vẫn chưa thể thực hiện được Hợp đồng Logo, hai bên đã có buổi họp để trao đổi với nhau. Tại biên bản họp này, BS đề nghị thanh lý hợp đồng và sẽ chủ động hoàn trả lại tiền tạm ứng cũng như khoản phạt như đã thỏa thuận. Nhưng sau buổi họp, BS không có thêm bất kì động thái nào về việc sẽ thanh toán lại tiền tạm ứng cho S. Nhận thấy BS không đưa ra các phản hồi chính thức đối với các khoản yêu cầu thanh toán mà S đưa ra, khiến cho việc giải quyết bị kéo dài gây ra các tổn

thất lớn cho S. Do đó, S đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu BS thanh toán các khoản tiền do vi phạm Hợp đồng Logo. Trong quá trình giải quyết vụ án, BS cũng không có thiện chí hòa giải để giải quyết.

Căn cứ cho các yêu cầu khởi kiện của S như sau:

Thứ nhất, BS đã vi phạm cơ bản nghĩa vụ Hợp đồng Logo, khiến cho S không thể đạt được mục đích của việc giao kết:

Hợp đồng Logo mà S và BS ký kết là hợp đồng dịch vụ quảng cáo, thể hiện BS là bên cung cấp dịch vụ, S là bên nhận dịch vụ theo thỏa thuận, Hợp đồng Logo trên được điều chỉnh bởi Luật Thương mại. Căn cứ khoản 12, 13 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005 quy định: "*Vi phạm hợp đồng là việc một bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định của Luật này*". "*Vi phạm cơ bản là sự vi phạm hợp đồng của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng*".

Căn cứ Bảng báo giá và Thư chào hàng của BS, xác định dịch vụ mà BS cung ứng bao gồm: (1) Quảng cáo trên nóc tiếp giáp bảng số 5; (2) Quảng cáo trên tầng trên cùng khoảng giữa bảng quảng cáo số 6 và 7. Và từ đầu, BS đã xác định mục đích chính của hợp đồng quảng cáo là đặt Logo BSG trên tầng nóc trên cùng tòa nhà để xe của TSN theo Bảng báo giá của BS đưa ra. Điều này được thể hiện trong các biên bản làm việc nội bộ cụ thể: Tờ trình số 719/TTr-BMAR ngày 25/10/2017, Tờ trình số 1388/TTr-BSG ngày 26/10/2017, Nghị quyết số 132/2017/NQ-HĐQT ngày 10/11/2017. Tại Biên bản thương thảo thực hiện quảng cáo ngoài trời ngày 20/11/2017, tại Phần I. Tổng quan, S và BS xác định thực hiện thương thảo để giữ chỗ vị trí quảng cáo tại 02 địa điểm tương ứng hạng mục 1, 2 trong hợp đồng sau đó mới thỏa thuận về các hạng mục được tặng. Qua đó xác định, mục đích ký kết Hợp đồng Logo là S muốn quảng cáo thương hiệu bia tại sân bay, nơi có nhiều khách hàng tiềm năng để cạnh tranh với các hãng lớn khác và dịp Tết. Đối tượng của Hợp đồng Logo cũng như nghĩa vụ cơ bản nhất của hợp đồng là thực hiện được hai hạng mục 1, 2 của Hợp đồng Logo. Vì thế, nếu BS không thực hiện được hai hạng mục 1, 2 như đã thỏa thuận thì đã vi phạm nghĩa vụ cơ bản của Hợp đồng Logo.

Thứ hai, ba hạng mục ứng với số thứ tự 3, 4, 5 trong Hợp đồng Logo là BS tặng thêm, không tính phí: Việc tặng cho các hạng mục 3, 4, 5 được thể hiện trong các văn bản cụ thể như:

- Biên bản thương thảo thực hiện quảng cáo ngoài trời ngày 20/11/2017, tại mục 2 phần IV. Kết luận cuộc họp. Ghi nhận BS đã chấp nhận sẽ "tặng thêm" 02 vị trí quảng cáo trước khu vực nhà giữ xe tương ứng hạng mục 3, 4 và "tặng cho" khu vực checkin hạng thương gia ga quốc nội tương ứng hạng mục 5;

- Tờ trình số 802A/TTr-BMAR ngày 24/11/2017 về việc Phê duyệt kết quả thương thảo thực hiện truyền thông quảng bá thương hiệu hình ảnh BSG tại TSN, tại điểm c khoản 4.1 Mục 4 của Tờ trình ghi rõ các hạng mục 3, 4, 5 trong Hợp đồng Logo là Phần tặng thêm. Tờ trình này căn cứ vào Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 20/11/2017 để trình lãnh đạo S xem xét ký hợp đồng và đã được phê duyệt.

- Biên bản họp ngày 08/5/2018, tại Mục 2. Diễn biến cuộc họp ghi nhận BS thừa nhận 3 hạng mục 3, 4, 5 đã thực hiện là hạng mục khuyến mãi, S xác nhận các hạng mục trên không tính phí và BS đã đồng ý.

- Công văn số 1705/CV-BLUESKY ngày 17/5/2018, tại Mục 2: Ghi nhận BS trình bày rằng: "*Theo thỏa thuận thì chúng tôi sẽ chỉ tặng cho Quý công ty các hạng mục số 3-4-5 khi 2 bên thực hiện toàn bộ hợp đồng số 0812/2017/LOGO-BSG-SAB nêu trên*". Văn bản trên thừa nhận việc có tặng cho các hạng mục 3, 4, 5 kèm điều kiện thực hiện theo Hợp đồng Logo. Tuy nhiên, nguyên nhân khiến hợp đồng không thể thực hiện được hoàn toàn do lỗi của BS do BS đã vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận, đồng thời cũng không có khả năng thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng. S không có trách nhiệm phải thanh toán cho phần nghĩa vụ không tính phí khi hợp đồng không thể thực hiện hoàn toàn do lỗi của BS.

Như vậy, phần nghĩa vụ mà BS thực hiện là không tính phí, S không có nghĩa vụ thanh toán cho phần BS đã thực hiện.

Thứ ba, Biên bản thương thảo thực hiện quảng cáo ngoài trời ngày 20/11/2017 là căn cứ để dự thảo văn bản Hợp đồng Logo: Về thẩm quyền thương thảo, BS có ông K là đại diện theo ủy quyền, là người giữ chức vụ Giám đốc tại thời điểm thương thảo. Phía S có Hội đồng thương thảo gồm đại diện các phòng ban. Các cá nhân trên đều là người có thẩm quyền để tiến hành thương thảo, thống nhất ý kiến để soạn thảo dự thảo của Hợp đồng Logo. Về nội dung thương thảo: Vào thời điểm thương thảo hợp đồng ngày 20/11/2017, S vẫn là doanh nghiệp do Nhà Nước nắm giữ 90% vốn điều lệ, nên việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ phải thực hiện và được điều chỉnh theo Luật Đấu thầu 2013.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 19 Nghị định 64/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu quy định về nội dung thương thảo hợp đồng là: "*Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất…*". Căn cứ khoản 5 Điều 19 Nghị định 64/2014/NĐ-CP quy định: "*Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có)*". Do đó, thương thảo hợp đồng là quá trình hai bên tiến hành hoàn thiện dự thảo hợp đồng để ký hợp đồng chính thức. Trong trường hợp này, Biên bản thương thảo thực hiện quảng cáo ngoài trời ngày 20/11/2017 ghi

nhận lại quá trình hai bên thương lượng, thống nhất các ý kiến để ký hợp đồng chính thức. Biên bản này cũng là biên bản họp cuối cùng trước khi ký Hợp đồng Logo nên có cơ sở cho rằng Biên bản thương thảo thực hiện quảng cáo ngoài trời ngày 20/11/2017 là căn cứ để soạn thảo Hợp đồng Logo, các ý kiến thống nhất trong biên bản được đưa chính thức vào hợp đồng và thực hiện. Như vậy, Biên bản thương thảo thực hiện quảng cáo ngoài trời ngày 20/11/2017 hoàn toàn có giá trị, gắn liền với Hợp đồng Logo và nội dung tặng cho, không tính phí các hạng mục 3, 4, 5 ứng với hạng mục 3, 4, 5 trong Hợp đồng Logo là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật.

Thứ tư, BS có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng, tiền phạt vi phạm, tiền lãi do chậm thanh toán cho S do vi phạm Hợp đồng Logo:

- Về số tiền tạm ứng: Do BS không thể thực hiện được Hợp đồng Logo nên phải trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng mà S đã thanh toán là 2.552.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 12/02/2018. Tại Biên bản họp ngày 08/5/2018, Mục 3. Kết thúc cuộc họp ghi nhận: "*Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn BS hoàn trả khoản tạm ứng và chi phí chịu phạt*". Tại Công văn số 107/CV-BLUESKY ngày 10/7/2018 BS đã đề xuất: "*Vì thế BLUESKY đề xuất thanh lý và chấm dứt hợp đồng Logo. Hoàn trả lại 40% tiền tạm ứng cộng với khoản tiền phạt từ ngày 31/3/2018 đến ngày 19/6/2018*". Như vậy tại thời điểm này, BS đã chính thức đề xuất thanh lý và trả phần tiền còn lại cho S.

Ngày 01/11/2018, S đã gửi Công văn số 1320/BSG-BMAR cho BS về việc triển khai thanh lý, hoàn trả tạm ứng và phạt liên quan đến Hợp đồng Logo. Như vậy tại thời điểm này, S đã xác nhận việc thanh lý Hợp đồng Logo với BS. Tuy nhiên sau đó BS đã không thực hiện như trao đổi, không thanh toán các khoản tiền dẫn đến tranh chấp Hợp đồng Logo. Do đó S khởi kiện yêu cầu BS thanh toán số tiền tạm ứng là có căn cứ.

- Về số tiền lãi do chậm thanh toán: Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*".

Căn cứ Công văn số 107/CV-BLUESKY ngày 10/7/2018 của BS, BS chấp nhận hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng vào ngày 19/6/2018, nhưng sau ngày này BS vẫn không thanh toán cho S. Nên ngày bắt đầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 20/6/2018 tạm tính đến ngày xét xử 30/9/2024 là 2294 ngày. Mức lãi suất trung

bình trên thị trường là 15.25%/năm theo Tòa án đã xác minh mức lãi suất trung bình tại ba ngân hàng trên nghĩa vụ thanh toán số tiền tạm ứng 2.552.000.000 đồng.

- Về số tiền phạt vi phạm: Căn cứ Điều 9 Hợp đồng Logo, BS phải chịu phạt 0.1% giá trị tạm ứng trên số ngày chậm trễ thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày vi phạm. Căn cứ Điều 300 và 301 Luật Thương mại quy định về phạt vi phạm và mức phạt vi phạm, thì bắt đầu tính từ 31/3/2018. Do đó, S yêu cầu BS thanh toán 510.400.000 đồng là không vượt quá 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm theo quy định của pháp luật.

Thứ năm, việc BS vi phạm Hợp đồng Logo không phải do sự kiện bất khả kháng cũng không thuộc các trường hợp được miễn nghĩa vụ khi vi phạm hợp đồng: BS đưa ra lý do không thể thực hiện hợp đồng do sự kiện bất khả kháng là BS đã làm việc với TCP (phía sân bay) về dựng quảng cáo nhưng do thời gian cận tết nên sân bay không cấp phép cho bất kỳ việc thi công nào; sau thời gian tết cũng đã đề nghị thi công nhưng vướng lịch họp của đại hội đồng cổ đông TCP nên chưa cho phép thi công. Căn cứ khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015 định nghĩa về sự kiện bất khả kháng: "*là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép*". Và quy định tại Điều 10 tại Hợp đồng Logo quy định về trường hợp bất khả kháng: "*do quy hoạch của nhà nước, mà Công trình quảng cáo cho bên A bị tháo rời hay bị ngừng*". Ngoài ra tại Bảng báo giá ngày 28/9/2017 mà BS đã gửi cho S có ghi rõ: "*Giá trên đã bao gồm chi phí sản xuất, lắp đặt, giấy phép quảng cáo…*".

Việc BS không được cấp phép để thi công không phải là một sự kiện bất khả kháng, đây là rủi ro trong kinh doanh của BS. Dựa trên các cam kết và trách nhiệm, BS phải đảm bảo được vị trí lắp đặt đã thỏa thuận, có các biện pháp khắc phục và thông báo sớm cho S để cùng có hướng giải quyết khi xảy ra tình huống xấu. Nhưng BS đã không có thông báo nào mà đợi tới khi S có Công văn số 387/BSG-BMAR ngày 27/3/2017 yêu cầu báo cáo tiến độ khi gần tới thời hạn hoàn thành nghĩa vụ thì BS mới có công văn trả lời về việc chậm tiến độ. Hành vi trên thể hiện BS không có thiện chí giải quyết sự cố. Như vậy, trường hợp BS đưa ra không thuộc trường hợp bất khả kháng và không được miễn trừ trách nhiệm.

Thứ sáu, S không chấp nhận cấn trừ bất kỳ khoản công nợ nào mà BS yêu cầu: Trong biên bản hòa giải ngày 24/01/2024, BS đã đưa ra các yêu cầu cấn trừ công nợ như: Tiền cấn trừ Hợp đồng Logo là 500.000.000 đồng và tiền công nợ cho Hợp đồng dịch vụ quảng cáo số 0812/2017/BUS-BSG-SAB (Hợp đồng xe bus) là 749.100.000 đồng. S không chấp nhận cấn trừ theo yêu cầu của BS.

Căn cứ khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu cấn trừ của BS là một yêu cầu phản tố, phải nộp án phí và được Tòa án thụ lý. Nhưng sau phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng BS vẫn không có yêu cầu phản tố hợp lệ nào nên đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận các yêu cầu cấn trừ của BS. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng Logo, S không hề vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào, đồng thời tạo điều kiện, cho thêm thời gian khi phía bị đơn không thực hiện các hạng mục chính của Hợp đồng Logo. Việc BS vi phạm hợp đồng đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của S.

Do đó, S khởi kiện yêu cầu BS thanh toán các khoản tiền như sau:

- Khoản tiền tạm ứng thực hiện Hợp đồng Logo là 2.552.000.000 đồng;

- Khoản phạt vi phạm theo Điều 9 Hợp đồng Logo: 0.1% trên số tiền đã tạm ứng cho mỗi ngày chậm trễ, tính từ ngày vi phạm từ 31/3/2018. Do khoản tiền phạt vi phạm theo quy định của Hợp đồng Logo đã vượt quá 8% giá trị Hợp Logo theo quy định tại Điều 301 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, S yêu cầu BS thanh toán tiền phạt vi phạm Hợp đồng Logo là 510.400.000 đồng;

- Số tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền tạm ứng, từ ngày phát sinh lãi chậm trả đến khi BS hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ thanh toán cho S tính từ ngày 20/6/2018 tạm tính đến ngày 30/9/2024 (2294 ngày), theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 là 15.25%/năm là 2.552.000.000 x 2294 x 15,25%/năm = 2.445.969.643 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu BS thanh toán cho S tính đến ngày 30/9/2024 là 5.508.369.643 đồng.

Tại Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 24/6/2024 của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà AT: S rút một phần yêu cầu khởi kiện (căn cứ Công văn: 5085/CTTPHCM-TTKT1 ngày 27/05/2024 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh) đối với yêu cầu BS thanh toán khoản phạt do chậm nộp thuế giá trị gia tăng với số tiền 148.178.400 đồng.

2. Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS có người đại diện theo pháp luật ông K trình bày: Giữa S và BS đã ký 02 hợp đồng sau:

- Hợp đồng xe bus được ký vào ngày 08/01/2018, số hợp đồng 0812/2017/BUS-BSG-SAB, nội dung dán quảng cáo decal trên xe bus chở khách từ nhà ga TSN ra bãi đỗ xe máy bay và ngược lại.

- Hợp đồng lego được ký ngày 08/01/2018, số hợp đồng 0812/2017/LOGO-BSG-SAB, nội dung: Hợp đồng chia làm 02 hạng mục: Mục 1: Đặt logo led trên nóc toà nhà bãi giữ xe mặt trực diện và vị trí tiếp giáp giữa bảng 5. Mục 2: Đặt pano quảng cáo bảng số 5 và số 6 (thời gian 3 tháng), Quảng cáo LED - trong khu vực khách VIP lấy vé (thời gian 06 tháng chạy quảng cáo 2 TVC, thời lượng mỗi TVC

là 30 giây). Theo các phần mà BS đã thực hiện thì phần quảng cáo đã thực hiện nhiều hơn số tiền tạm ứng của S thì S phải thanh toán lại số tiền chênh lệch cho BS hơn 500.000.000 đồng.

Vì giai đoạn Hợp đồng Logo mà BS đang thực hiện thì bị sự cố thay đổi trong ban quản trị điều hành sân bay của nhà nước, đây là sự cố bất khả kháng nên BS không có nghĩa vụ đền bù. BS đã đưa ra giải pháp hoán đổi nhưng S không đồng ý trong khi đó BS đã bị thiệt hại về việc duy trì bảng và những phần quảng cáo đã chạy cho S và công nợ mà S còn nợ chưa thanh toán phần quảng cáo trên xe bus trên nhà ga ra bãi đỗ máy bay. Do đó, nếu S muốn ngưng hợp đồng thì phải trả cho BS tiền cấn trừ công nợ của Hợp đồng Logo là 500.000.000 đồng và công nợ đợt 2 của hợp đồng quảng cáo dán decal xe bus mà BS đã hoàn tất nghiệm thu là 749.100.000 đồng. Đã nhiều lần, S và BS đã gặp nhau tìm hướng giải quyết và gần nhất là đề xuất lập phụ lục hợp đồng trị giá 11.000.000.000 đồng bao gồm VAT 10% cấn trừ hợp đồng cũ sang hợp đồng mới, nhưng sau đó S không chấp nhận lập biên bản để hai bên cùng ký ngay tại cuộc họp mà đề nghị gửi sau đó nhưng khi nội dung gửi sang cho BS lại không đúng như đã thỏa thuận. Sự việc kéo dài cũng ảng hưởng đến kinh doanh, lãi lỗ và uy tín của BS.

Về yêu cầu khởi kiện của S: BS xác định đã thực hiện đúng với hợp đồng đã ký kết với S nên không có nghĩa vụ hoàn trả lại khoản tiền mà S đã tạm ứng. BS chịu nhiều thiệt hại vì đi theo các vụ kiện, thiệt hại về kinh doanh và mất nhiều dự án kinh doanh, mất 01 tài sản do bảo lãnh cho công ty để thực hiện các dự án (trị giá 35 tỷ). Ngược lại, S còn nợ BS tổng số tiền 5.291.000.000 đồng, trong đó tiền cấn trừ của Hợp đồng Logo là 342.000.000 đồng x số ngày mà BS bị thiệt hại như phải trả tiền lãi và chậm nộp của BS nợ S là 2.100.000.000 đồng; tiền BS nợ TCP là 2.100.000.000 đồng; số tiền S phải trả của hợp đồng xe bus là 749.000.000 đồng). Đối với các hạng mục có số thứ tự 3, 4, 5 tại Hợp đồng Logo là hạng mục BS đã thực hiện xong trước khi ký Hợp đồng Logo nên S phải thanh toán cho BS số tiền của hạng mục này theo bảng báo giá đã gửi và không phải là hạng mục khuyến mãi. Khoản tiền mà S đã tạm ứng chính là thanh toán cho hạng mục có số thứ tự 3, 4, 5 thể hiện trong nội dung của hợp đồng Logo. Biên bản thương thảo thực hiện quảng cáo ngoài trời ngày 20/11/2017 và có chữ ký của BS là để họp trao đổi giữa các bên chứ không phải dùng cái này để các bên ký hợp đồng quảng cáo. Sau đó, các bên có ký Biên bản họp ngày 12/12/2019 thể hiện ý kiến các bên về điều chỉnh lại nội dung, trong đó S có ý kiến thay đổi vị trí hạng mục có số thứ tự 1, 2 trong Hợp đồng Lego nhưng sau đó các bên không có ký phụ lục điều chỉnh và BS cũng không không ý với các nội dung của biên bản họp ngày 12/12/2019.

Do đó, BS không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của S, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S.

Tại Bản tường trình ngày 27/9/2024, ông K trình bày: Sau các buổi thương lượng giá trong tháng 10/2017, S và BS không đi đến kết luận cụ thể nào. Sau đó, ban Marketing của S liên hệ với BS yêu cầu gửi Bảng báo giá chi tiết cho các hạng mục quảng cáo như đã trao đổi trước đây. Tiếp đến, BS gửi bảng báo giá đề ngày 28/11/2018 gửi đến ban Marketing của S tại lầu E, tòa nhà A, là bảng báo giá cuối cùng mà BS giao cho ông Khánh, nhân viên ban Marketing của S.

Sau đó, Ban điều hành của S có mời họp trao đổi tại văn phòng của S tại lầu E, tòa nhà A, trong buổi trao đổi, nói về hợp đồng Logo thì S mong muốn BS làm 05 hạng mục quảng cáo bao gồm 02 hạng mục logo trên nóc và trên tầng trên cùng nhà giữ xe, 02 bạt quảng cáo ở nhà giữ xe và 02 TVC khu VIP TSN với tổng giá trị là 5,8 tỷ chưa bao gồm VAT. BS đồng ý với đề nghị này và phải tặng thêm 01 market cho 02 bạt quảng cáo. Đối với hợp đồng bus thì S đồng ý với báo giá nhưng hạng mục quảng cáo trên thân xe buýt Vietjet thì BS phải khuyến mãi. Mục số 5 BS đã thực hiện sau khi ký hợp đồng. Vào thời điểm tháng 12 sau khi BS thống nhất trong nội bộ và ký kết. Đại diện ban Marketing (anh Đức) đã đề nghị BS phải thực hiện những hạng mục 3, 4, 5 mà có thể làm trước được trong thời gian này để kịp chạy quảng cáo chương trình sản phẩm trong dịp tết. Vào thời điểm dù chưa được ký kết hợp đồng chính thức nhưng BS tin tưởng rằng S sẽ đồng ý ký quảng cáo nên BS đã chạy trước. Để được TCP là đơn vị quản lý nhà xe và Cảng hàng không quốc tế TSN duyệt maquette và chấp thuận thì BS cần có các điều kiện sau: Phải ký kết hợp đồng thuê mặt bằng với TCP; BS phải là đơn vị quảng cáo được chính quyền cấp giấy phép cung cấp cho TCP để đơn vị nộp cho Cảng vụ của TSN. Sau khi được kiểm tra các chứng từ và các giấy tờ liên quan thì đơn vị TCP cử người để cho BS đưa thợ vào căng bạt quảng cáo cho S.

3. Tại bản án sơ thẩm đã tuyên:

3.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Cổ phần SG.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Cổ phần SG tổng số tiền 5.508.369.643 (năm tỷ năm trăm lẻ tám triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi ba) đồng, tạm tính đến ngày 30/9/2024, trong đó:

- Tiền tạm ứng thực hiện Hợp đồng dịch vụ quảng cáo số 0812/2017/LOGO-BSG-SAB ngày 08/01/2018 là 2.552.000.000 (hai tỷ năm trăm năm mươi hai triệu) đồng;

- Phạt vi phạm theo Hợp đồng dịch vụ quảng cáo số 0812/2017/LOGO-BSG-SAB ngày 08/01/2018 là 510.400.000 (năm trăm mười triệu bốn trăm nghìn) đồng.

- Lãi chậm thanh toán tính từ ngày 20/6/2018 tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 2.445.969.643 (hai tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi ba) đồng.

Phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ quảng cáo số 0812/2017/LOGO-BSG-SAB ngày 08/01/2018 giữa Tổng Công ty Cổ phần SG và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS.

3.2 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Cổ phần SG yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS thanh toán khoản phạt do chậm nộp thuế giá trị gia tăng với số tiền 148.178.400 (một trăm bốn mươi tám triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/10/2024, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS đề ngày 11/10/2024 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nhằm đảm bảo việc xem xét, giải quyết vụ án được khách quan và toàn diện.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo: Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cấn trừ chi phí các hạng mục 3, 4, 5 mà bị đơn đã thực hiện cho nguyên đơn vào số tiền tạm ứng mà bị đơn đã nhận của nguyên đơn.

- Nguyên đơn: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

5.1 Luật sư D trình bày: Đối với hạng mục 1, 2 là hai hạng mục chính; còn hạng mục 3, 4, 5 là hạng mục "tặng thêm", "tặng cho" phát sinh trong quá trình các bên thương thảo Hợp đồng Logo thể hiện tại Tờ trình số 719/TTr-BMAR ngày 25/10/2017, Tờ trình số 1388/TTr-BSG ngày 26/10/2017, Nghị quyết số 132/2017/NQ-HĐQT ngày 10/11/2017 thể hiện S mong muốn thực hiện hai hạng mục mà S chào giá.

5.2 Luật sư N trình bày: Các hạng mục 3, 4, 5 là các hạng mục tặng thêm, không tính tiền trong biên bản thỏa thuận ngày 20/11/2017 tương ứng với hạng mục 3, 4, 5 trong Hợp đồng Logo theo các chứng cứ do S cung cấp. BS đã vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng Logo nên S không thể đạt được mục đích của việc giao kết. Về yếu tố lỗi, BS vi phạm Hợp đồng Logo không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc

thuộc trường hợp miễn nghĩa vụ khi vi phạm hợp đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S, buộc BS hoàn trả toàn bộ khoản tiền tạm ứng, tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền lãi chậm thanh toán cho S do vi phạm Hợp đồng Lego với tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2024 là 5.508.369.643 đồng.

6. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư H trình bày: Các tài liệu nội bộ mà đại diện S trình bày có trong hồ sơ vụ án như biên bản thương lượng, tờ trình, nghị quyết… trước đó BS chưa thấy được các tài liệu này và hình thức văn bản chỉ có chữ ký các bên tại trang cuối, các trang còn lại không có chữ ký của đại diện BS do đó không đảm bảo tính thống nhất của văn bản và các tài liệu nội bộ này thực hiện trước khi ký Hợp đồng Logo nên BS không chấp nhận các tài liệu này là chứng cứ cho yêu cầu của S. Nội dung của các tài liệu nội bộ có đề cập hạng mục khuyến mãi nhưng Hợp đồng Logo thể hiện không có tặng cho hạng mục 3, 4, 5. BS đã thực hiện hạng mục 3, 4, 5; phát hành hóa đơn và bộ chứng từ đồng thời S đã chuyển khoản cho BS số tiền tạm ứng là 2.522.000.000 đồng. BS xác nhận ngày 31/3/2018 là ngày hoàn thành các hạng mục và thực tế chưa hoàn thành hạng mục 1, 2. Theo như tìm hiểu quy định về quy tắc, thẩm quyền của Cảng vụ TSN thì BS không thể có văn bản của Cảng vụ TSN tại thời điểm đó do có sự thay đổi cơ cấu tổ chức hoạt động. BS xác định lỗi của BS do không thực hiện được hạng mục 1, 2 nhưng đã thực hiện các hạng mục 3, 4, 5 là thực hiện một phần của Hợp đồng Logo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấn trừ chi phí mà bị đơn đã thực hiện các hạng mục 3, 4 và 5 vào số tiền tạm ứng mà bị đơn đã nhận của nguyên đơn.

7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty BS, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: khấu trừ giá trị các hạng mục đã hoàn thành (3, 4, 5) theo các chứng từ mà bị đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm. Do thay đổi số tiền khấu trừ vào số tiền gốc mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn nên cần tính lại lãi suất bị đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 1297/2024/KDTM-ST của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 30/9/2024. Ngày 11/10/2024, bị đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận về thời hạn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Cổ phần SG khởi kiện Công ty BS thanh toán các khoản tiền phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ quảng cáo mà các bên đã ký kết, đây là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền của Tòa án. Bị đơn có trụ sở tại quận Phú Nhuận nên Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty BS về yêu cầu cấn trừ cho phí mà bị đơn đã thực hiện các hạng mục 3, 4, 5 trong hợp đồng quảng cáo vào số tiền tạm ứng:

[3.1] Căn cứ vào sự thừa nhận của các bên đương sự, có cơ sở để xác định Công ty Cổ phần SG (sau đây viết tắt là S) và Công ty BS có giao kết Hợp đồng dịch vụ quảng cáo số 0812/2017/LOGO-BSG-SAB ngày 08/01/2018 với giá trị hợp đồng là 6.380.000 đồng để Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS (sau đây viết tắt Công ty BS) thực hiện quảng cáo cho S tại các vị trí thuộc sân bay TSN. Các bên giao kết hợp đồng tự nguyện, hình thức phù hợp với quy định và nội dung không trái pháp luật nên phát sinh hiệu lực và ràng buộc các bên có nghĩa vụ thực hiện.

[3.2] Nội dung hợp đồng thể hiện bị đơn thực hiện quảng cáo sản phẩm và thương hiệu BSG cho nguyên đơn thông qua việc lắp đặt Logo quảng cáo tại Cảng Hàng không Quốc tế TSN gồm 05 mục, trong đó có mục 1 và 2 là quảng cáo Logo còn các mục 3, 4 là quảng cáo Pano bạt Hiflex, mục 5 là quảng cáo màn hình led.

[3.3] Các bên không tranh chấp về giá trị hợp đồng mà chỉ tranh chấp về các hạng mục tặng thêm 3, 4 và 5. Nguyên đơn cho rằng các hạng mục này được tặng thêm, tặng cho không tính phí kèm theo các hạng mục chính 1, 2 của hợp đồng nên nguyên đơn không phải trả tiền; còn bị đơn cho rằng các hạng mục 3, 4 và 5 chỉ được tặng thêm khi các bên thực hiện hạng mục chính 1 và 2. Trong trường hợp này vì lý do khách quan nên bị đơn không thể thực hiện được các hạng mục chính là 1 và 2, tuy nhiên các hạng mục 3, 4, 5 thì bị đơn đã thực hiện nên nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả tiền cho bị đơn đối với các hạng mục đã làm.

Nguyên đơn và bị đơn xác nhận bị đơn đã nhận tạm ứng của nguyên đơn số tiền 2.552.000.000 đồng và đã thực hiện xong các hạng mục 3, 4, 5 cho nguyên đơn,

riêng hạng mục 1 và 2 thì chưa thực hiện được do có sự thay đổi về cách quản lý tại sân bay TSN. Nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện được hạng mục quảng cáo như thỏa thuận thì phải có nghĩa vụ trả lại tiền tạm ứng cho nguyên đơn, chịu tiền phạt, lãi chậm thanh toán do vi phạm hợp đồng. Xét sự thừa nhận của bị đơn về việc chưa thực hiện được các hạng mục quảng cáo 1 và 2 theo thời hạn đã thỏa thuận, có cơ sở để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, do đó cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng, lãi phạt vi phạm và tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng. Cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá và chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.4] Tuy nhiên cấp sơ thẩm chỉ xem xét và đánh giá lỗi của bị đơn vi phạm nghĩa vụ hợp đồng để buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng, chịu khoản tiền phạt do vi phạm và tiền lãi chậm trả trên số tiền đã nhận mà không xem xét đến 03 hạng mục tặng thêm mà bị đơn đã thực hiện và đã được nguyên đơn nghiệm thu, xác nhận là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Cấp sơ thẩm xác định việc bị đơn yêu cầu cấn trừ chi phí thực hiện hạng mục 3, 4, 5 là yêu cầu phản tố nhưng do bị đơn không đóng tạm ứng án phí theo quy định nên cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này là chưa chính xác, bởi lẽ: nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đòi bị đơn trả khoản tiền tạm ứng theo Hợp đồng Logo ký ngày 08/01/2018, mà các hạng mục 3, 4, 5 là một phần của Hợp đồng Logo này nên việc bị đơn yêu cầu cấn trừ chi phí các hạng mục đã thực hiện là ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chứ không phải yêu cầu phản tố. Do đó, cấp phúc thẩm cần xem xét lại phần chi phí này cho bị đơn theo các chứng cứ mà bị đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm.

[3.5] Nguyên đơn cho rằng căn cứ theo bảng báo giá ngày 28/9/2017 của bị đơn gửi cho nguyên đơn thì giá trị hợp đồng đối với mục 1 và 2 là 6.380.000.000 đồng, còn các mục 3, 4 và 5 là bị đơn tặng thêm không tính phí nên khi bị đơn không thực hiện được hạng mục 1 và 2 thì bị đơn phải trả lại tiền tạm ứng và nguyên đơn không phải trả chi phí mà bị đơn đã thực hiện các hạng mục 3, 4, 5.

Căn cứ Biên bản ngày 20/11/2017, Tờ trình số 802A/Ttr-BMAR ngày 24/11/2017 của S, Biên bản họp ngày 08/5/2018 và Công văn số 1705 ngày 17/5/2018 ghi nhận ý kiến của Công ty BS với nội dung: *"Theo thỏa thuận thì chúng tôi sẽ chỉ tặng cho Quý Công ty các hạng mục 3, 4, 5 khi hai bên thực hiện toàn bộ Hợp đồng 0812 nêu trên"*. Như vậy, các hạng mục chỉ được tặng thêm khi các bên thực hiện hạng mục 1 và 2.

[3.6] Các bên xác định nội dung hợp đồng dịch vụ quảng cáo không thỏa thuận về việc xử lý chi phí các hạng mục tặng thêm khi các bên không thực hiện được mục 1 và 2. Phía bị đơn cũng không cung cấp được bảng báo giá chi tiết đối với các hạng mục 3, 4 và 5 được nguyên đơn xác nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ

vào các tài liệu mà bị đơn cung cấp liên quan đến việc thuê vị trí quảng cáo (tương ứng với vị trí của hạng mục 3, 4, 5) và các chi phí khác để tính chi phí mà bị đã thực hiện cho nguyên đơn.

[3.7] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp các chứng cứ sau:

(1) Hợp đồng thuê vị trí quảng cáo ngày 27/02/2017, giữa Công ty Cổ phần Đầu tư TCP và Công ty BS tại các vị trí bảng số 05 và 06 bãi giữ xe sân bay TSN: thời hạn 12 tháng, giá trị hợp đồng tại vị trí số 05 là 800.000.000 đồng, tại vị trí số 06 là 1.000.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng thuê quảng cáo bảng hiệu tại sân bay tại các vị trí bảng số 5 và 6 bãi giữ xe sân bay TSN: thời hạn 06 tháng, giá trị hợp đồng 1.166.000.000đồng và 1.743.500.000 đồng.

(3) Hợp đồng dịch vụ quảng cáo ngày 21/4/2017, giữa Công ty BS và Công ty Trách nhiệm hữu hạn HG với nội dung thuê chạy TVC màn hình Led tại khu checkin thương gia: thời gian 12 tháng, giá trị hợp đồng 330.000.000 đồng.

(4) Hợp đồng mua bán thiết bị ngày 24/11/2016: sản phẩm là màn hình outdoor kích thước 10m*3.25m, giá trị hợp đồng 1.587.044.800 đồng

(5) Hợp đồng dịch vụ quảng cáo ngày 05/10/2017, giữa Công ty BS và Công ty Cổ phần BÂ: vị trí thời hạn 1 tháng, giá trị hợp đồng 112.365.000 đồng.

Đối với chi phí thực hiện quảng cáo tại hạng mục 3 và 4 của hợp đồng tương ứng với vị trí 05 và 06 tại Sân bay TSN theo hợp đồng thuê vị trí quảng cáo tại mục (1) và hợp đồng thuê quảng cáo bảng hiệu tại mục (2) do bị đơn cung cấp thì bị đơn thuê vị trí quảng cáo trong thời hạn 12 tháng là 1.800.000.000 đồng, phí dịch vụ quảng cáo trong thời hạn 06 tháng là 2.909.500.000 đồng. Bị đơn thực hiện quảng cáo cho nguyên đơn là 03 tháng nên số tiền chi phí sẽ là: (1.800.000.000 đồng/12 x 03 tháng) + (2.909.500.000 đồng/6 x 03 tháng) = 1.904.750.000 đồng.

Đối với chi phí thực hiện quảng cáo tại hạng mục 5 của hợp đồng tương ứng với vị trí khu vực checkin hạng thương gia ga quốc nội do bị đơn cung cấp hợp đồng thuê màn hình led thời hạn 12 tháng là 330.000.000 đồng; bị đơn thực hiện quảng cáo cho nguyên đơn là 6 tháng nên số tiền sẽ là 330.000.000 đồng/12 x 6 tháng = 165.000.000 đồng.

Tổng chi phí : 1.904.750.000 đồng + 165.000.000 đồng = 2.069.750.000 đồng.

Xét các chi phí này là do bị đơn đã chi trả khi thực hiện các hạng mục 3, 4 và 5 nên cần cấn trừ số tiền này vào số tiền tạm ứng mà bị đơn đã nhận của nguyên đơn. Tuy nhiên, việc không thực hiện được các hạng mục chính là 01 và 02 của

hợp đồng Logo là do lỗi của bị đơn nên bị đơn cũng phải chịu 50% chi phí của các hạng mục 3, 4, 5.

Như vậy, số tiền thi công hạng mục 3, 4, 5 nguyên đơn cần phải trả cho bị đơn là: 2.069.750.000 đồng x 50% = 1.034.875.000 đồng.

Bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng còn lại là:

2.525.000.000 đồng - 1.034.875.000 đồng = 1.490.135.000 đồng.

[3.8] Về tiền lãi chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lại trên số tiền tạm ứng đã nhận tính từ ngày 20/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Do S và Công ty BS không thỏa thuận về tiền lãi chậm thanh toán trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Văn bản số 107/CV-BLUESKY ngày 10/7/2018 để xác định ngày tính lãi. S yêu cầu tính lãi từ ngày 20/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.294 ngày.

Căn cứ vào mức lãi suất nợ vay trong hạn do các ngân hàng cung cấp theo yêu cầu của Tòa án như sau: Ngân hàng Thương mại VN – Chi nhánh B, Thành phố Hồ Chí Minh là 12%/năm (Văn bản ngày 24/7/2024); Ngân hàng NN – Chi nhánh PN, Thành phố M là 8%/năm (Văn bản số 833/NHNo.-KTNB ngày 06/8/2024); Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT – Chi nhánh PN là 10.50%/năm (Văn bản số 483/PNH-KT ngày 02/8/2024). Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng nêu trên là 15.25%/năm.

Do đã cấn trừ một phần chi phí đã thực hiện các mục 3, 4, 5 nên bị đơn chỉ chịu lãi chậm trả trên số tiền 1.490.135.000 đồng.

Số tiền lãi được tính như sau:

(1.490.135.000 đồng x 15.25%)/365 ngày x 2.294 ngày = 1.428.222.952 đồng.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi chậm trả trên toàn bộ số tiền tạm ứng mà chưa cấn trừ phần chi phí bị đơn đã thực hiện là chưa hợp lý nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại số tiền lãi chậm trả cho phù hợp với nội dung vụ án.

[3.9] Về tiền phạt vi phạm:

Theo quy định tại Điều 300 Luật Thương mại 2002 quy định: "*Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này*".

Tại Điều 9 của Hợp đồng Logo có quy định về nghĩa vụ chịu tiền phạt do thực hiện không đúng thời hạn hợp đồng nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền phạt cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền phạt 510.400.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 300 và 301 Luật Thương mại 2005. Các bên không kháng cáo đối với nội dung này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần này.

[4] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của Công ty BS yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung cấn trừ một phần chi phí thực hiện hợp đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty BS, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh), chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả lại số tiền tạm ứng, tiền lãi chậm trả. Nội dung sửa bản án sơ thẩm là do phát sinh tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu do sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1297/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Cổ phần SG.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS có trách nhiệm trả cho Tổng Công ty Cổ phần SG tổng số tiền 3.428.757.952 đồng (ba tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi hai đồng) tạm tính đến ngày 30/9/2024, trong đó:

- Tiền tạm ứng thực hiện Hợp đồng dịch vụ quảng cáo số 0812/2017/LOGO-BSG-SAB ngày 08/01/2018 là 1.490.135.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Phạt vi phạm theo Hợp đồng dịch vụ quảng cáo số 0812/2017/LOGO-BSG-SAB ngày 08/01/2018 là 510.400.000 đồng (năm trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Lãi chậm thanh toán tính từ ngày 20/6/2018 tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 1.428.222.952 đồng (một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm năm mươi hai đồng).

Phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ quảng cáo số 0812/2017/LOGO-BSG-SAB ngày 08/01/2018 giữa Tổng Công ty Cổ phần SG và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

1.2 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Cổ phần SG yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS thanh toán khoản phạt do chậm nộp thuế giá trị gia tăng với số tiền 148.178.400 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS phải chịu là 100.575.159 đồng (một trăm triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi chín đồng).

Tổng Công ty Cổ phần SG phải chịu là 73.592.233 đồng (bảy mươi ba triệu năm trăm chín mươi hai nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) nhưng được trừ vào số

tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.655.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0019132 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án quận Phú Nhuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5), Tổng Công ty Cổ phần SG phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm là 26.937.233 (Hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS không phải chịu, hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ BS số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029891 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5).

4. Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Vũ Thị Hường	**Huỳnh Ngọc Quyên**
	Lê Thị Quỳnh Anh

2024KTPT40821 1 000131 714219 20.08.2025 11:11
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượ